

TÒA ÁN NHÂN DÂN Q. HẢI CHÂU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 9 - 2020

“V/v Ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đoàn Công Quốc**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Xoa**

2. Ông **Huỳnh Tiến**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Đình Vui** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Kiểm sát Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Quỳnh Trang**

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/9/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1984; Trú tại: K77/26E đường L, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Ông **Kiều Hoàng L**, sinh năm 1984; Trú tại: 12 đường N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/7/2020 và các bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 07/9/2020, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị H trình bày:* Bà và ông **Kiều Hoàng L** kết hôn với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X, quận H, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn thì vợ chồng về chung sống tại nhà chồng tại K30/H18A/15 đường T, phường X, quận H, thành phố Đà Nẵng đến năm 2013 thì chuyển về chung sống tại 12 đường N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Cuộc sống sau hôn nhân hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách không hòa hợp, ông L thường xuyên nhậu nhẹt, ghen tuông vô cớ và nhiều lần dùng mã tấu đòi đâm bà và đập phá tài sản trong gia đình. Vào tháng 8/2018 và tháng 7/2019 bà cũng đã hai lần làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông L nhưng được Tòa án hòa giải động viên để vợ

chồng về chung sống. Tuy nhiên ông L vẫn không thay đổi mà tiếp tục tái diễn những hành vi bạo lực, sống thiếu trách nhiệm với vợ con.

Nay bà cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Kiều Hoàng L.

Về con chung: Giữa bà và ông L có 02 con chung là Kiều Nguyên H, sinh ngày 23/01/2010 và Kiều Minh N, sinh ngày 22/6/2017. Ly hôn, bà đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con chung và yêu cầu ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đ/02 cháu (mỗi cháu 2.500.000đ/tháng).

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Tại đơn trình, biên bản hòa giải ngày 07/9/2020 cũng như tại phiên tòa hôm nay – ông Kiều Hoàng L trình bày:* Ông thống nhất với trình bày của bà Nguyễn Thị H về thời điểm và nơi đăng ký kết hôn. Tuy nhiên bà H cho rằng ông ghen tuông, bạo lực gia đình là không đúng. Trên thực tế ông là công chức Nhà nước, sống và làm việc trong khuôn khổ pháp luật, không có chuyện bạo lực với vợ con. Hiện nay ông thấy vẫn còn tình cảm với vợ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng ông có hai con chung đúng như bà H trình bày, trường hợp bất đắc dĩ phải ly hôn thì ông không muốn chia rẽ con cái mà mong muốn các con cùng sống với nhau, vợ chồng phải có trách nhiệm nuôi dưỡng con. Về mức cấp dưỡng nuôi con ông không có ý kiến gì. Vợ chồng ông không có nợ chung, về phần tài sản chung ông không yêu cầu giải quyết.

Tranh luận tại phiên tòa, ông cũng không có ý kiến gì về vấn đề con chung, quyền nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con như bà H yêu cầu. Tuy nhiên vì hạnh phúc gia đình, ông mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái.

** Tại biên bản xác minh về quan hệ hôn nhân, địa phương nơi cư trú của vợ chồng ông L, bà H thể hiện các nội dung về quan hệ hôn nhân, thời điểm đăng ký kết hôn con chung, phù hợp với lời khai của các bên đương sự. Về mâu thuẫn vợ chồng thì địa phương không nắm. Tuy nhiên hiện nay bà H không còn chung sống với ông L tại 12 đường N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng thì địa phương không rõ.*

** Tại đơn trình bày ngày 20/9/2020 con chung giữa ông L và bà H là cháu Kiều Nguyên H trình bày nguyện vọng là muốn được ở cùng mẹ (nếu trường hợp cha mẹ không chung sống với nhau nữa).*

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án như sau:*

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng, các bên đương sự đã được tiếp cận, công khai chứng cứ về vụ án và cũng đã có ý kiến trình bày của mình. Tại phiên tòa các bên đương sự đều có mặt để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng, do đó về mặt thủ tục tố tụng là đảm bảo.

Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Kiều Hoàng L đã đến mức trầm trọng, trước đây bà H cũng đã hai lần có đơn đề nghị Tòa án giải

quyết ly hôn và được hòa giải về đoàn tụ, xây dựng gia đình nhưng cuộc sống hôn nhân vẫn không cải thiện. Hiện nay bà H và ông L không còn chung sống với nhau, quan hệ hôn nhân không tồn tại trên thực tế. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, cho bà được ly hôn với ông Kiều Hoàng L. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao con cả hai con chung Kiều Nguyên H và Kiều Minh N cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, ông Kiều Hoàng L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000đ/cháu. Về tài sản chung, nợ chung đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu, yêu cầu của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về các vấn đề của vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn – ông Kiều Hoàng L cư trú tại quận H, Tp Đà Nẵng. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, gửi đầy đủ các văn bản tố tụng cho các bên đương sự, bị đơn cũng đã có văn bản phản hồi ý kiến của mình và tham gia phiên hòa giải và có mặt tại phiên tòa để thực hiện quyền của mình theo quy định của pháp luật tố tụng. Do đó về mặt thủ tục tố tụng là đảm bảo.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Kiều Hoàng L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng cãi vã nhau. Theo như bà H trình bày là do ông L hay nhậu nhẹt và có hành vi bạo lực gia đình. Trước đây, bà Nguyễn Thị H cũng đã hai lần nộp đơn ly hôn và đã được Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Do đó bà H rút đơn khởi kiện và được Tòa án đình chỉ vụ án theo Quyết định số 100/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28/9/2018 và Quyết định số 41/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25/9/2019. Tuy nhiên cho đến nay cuộc sống chung của vợ chồng vẫn không có chuyển biến tích cực, hiện bà H và ông L không còn chung sống với nhau.

Do đó, có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông L, bà H đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, cho bà được ly hôn với ông L như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng bà H, ông L có 02 con chung là Kiều Nguyên H, sinh ngày 23/01/2010 và Kiều Minh N, sinh ngày 22/6/2017. Nguyên vọng của bà H là muốn được trực tiếp nuôi cả hai con chung và đề nghị ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 5.000.000đ. Tại bản trình bày cũng như nội dung hòa giải ông L cũng cho rằng ông không muốn chia rẽ hai con và cũng không có ý kiến gì về mức cấp dưỡng. Hiện nay các con của bà H, ông L còn nhỏ, cháu Kiều Minh N mới sinh năm 2017, cháu Kiều Nguyên H cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó Hội đồng xét xử tuyên giao cả hai con cho bà H nuôi dưỡng và buộc ông L cấp dưỡng nuôi con mức 2.500.000đ/cháu/tháng là phù hợp.

Về thời điểm bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng: Để đảm bảo nguyên tắc kịp thời đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong việc nuôi con, Hội đồng xét xử ấn định buộc ông Kiều Hoàng L có nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ tháng 10/2020. Cấp dưỡng vào ngày 05 hàng tháng.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn đều xác định vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết đối với tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn được thực hiện theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Kiều Hoàng L

* Xử:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Kiều Hoàng L.

2. Về con chung: Giao các con chung Kiều Nguyên H, sinh ngày 23/01/2010 và Kiều Minh N, sinh ngày 22/6/2017 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, ông Kiều Hoàng L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000đ/cháu (*mỗi cháu hai triệu năm trăm ngàn đồng*). Thời gian bắt đầu cấp dưỡng tính từ tháng 10/2020, cấp dưỡng vào ngày 05 hàng tháng cho đến khi từng cháu đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người có quyền yêu cầu cấp dưỡng có đơn yêu cầu cấp dưỡng, nếu người có nghĩa vụ cấp dưỡng chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm cấp dưỡng tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng. Lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng

không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Sau khi ly hôn, các bên đương sự vẫn có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích con chung các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009297 ngày 17/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H, thành phố Đà Nẵng (*Bà H đã nộp đủ án phí*).

Buộc ông Kiều Hoàng L phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, báo cho nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận H;
- Đương sự;
- Chi cục THA DS quận H;
- UBND P. X, Q H;
- (ĐK ngày 20/02/2009)
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Đoàn Công Quốc

